

PHONG TRÀO TẨY CHAY HOA KIỀU Ở VIỆT NAM NĂM 1919 (QUA NGUỒN TƯ LIỆU BÁO CHÍ ĐẦU THẾ KỶ XX)

OVERSEAS CHINESE BOYCOTT MOVEMENT IN VIET NAM IN 1919
(THROUGH SOURCES OF PRESS MATERIALS
IN THE EARLY 20TH CENTURY)

*Đặng Thị Vân Chi**

ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ trước tới nay, Phong trào tẩy chay Hoa kiều năm 1919 được nhắc đến như là một trong những phản ứng của tầng lớp tư sản Việt Nam đối với tư sản Hoa kiều. Vì nhiều lý do, chủ quan, cũng như khách quan, phong trào này chưa được giới sử học Việt Nam quan tâm đi sâu nghiên cứu. Cũng chính vì vậy, những thông tin và tư liệu về phong trào này trong các sách lịch sử rất mờ nhạt. Cho đến thời điểm này, chúng tôi chưa tìm thấy bất cứ một bài nghiên cứu nào ở trong nước khả dĩ đưa ra những thông tin đủ để hình dung một cách rõ ràng nhất về phong trào này. Còn các học giả phương Tây tuy đặt nó trong tầm nhìn của mối quan hệ thuộc địa có tính toàn cầu, nhưng cũng không đề cập một cách chi tiết. Christopher E. Goscha trong bài “Tái cấu trúc các mối quan hệ thời kỳ thuộc địa: Quan hệ liên Á ở Đông Dương thuộc Pháp giai đoạn giữa hai cuộc thế chiến”¹ đã chọn sự kiện Tẩy chay Hoa kiều ở Việt Nam năm 1919 như minh chứng cho nhận định “những mâu thuẫn trong thời kỳ thực dân đã tạo động lực hình thành một mạng lưới quan hệ liên Á hoàn toàn mới giữa các nước thuộc địa. Chính điều đó đã tác động trực tiếp đến tính chất của “quan hệ thuộc địa” lúc bấy giờ và sự hình thành các quốc gia hậu thuộc địa kể từ năm 1945”. Từ Phong trào tẩy chay Hoa kiều, Christopher E. Goscha cho rằng “chính người Hoa – chứ không phải thực dân Pháp – đã trở thành một động lực quan trọng kích thích chủ nghĩa dân tộc đối với các nhà tư sản Việt Nam, hay ít nhất cũng là một yếu tố ngoại lai cần thiết. Những nhà dân tộc chủ nghĩa Việt Nam không chỉ quyết tâm đối đầu với người Hoa trên mặt trận kinh tế, mà họ còn nhất trí rằng nếu muốn thành công phải tự thay đổi chính mình” (Christopher, 2009, tr 1).

Với mong muốn có thể lấp dần những khoảng trống trong lịch sử Việt Nam, chúng tôi quyết định tìm lại trong tư liệu báo chí đương thời, một kênh thông tin quan trọng khả dĩ có thể dựng lại diễn biến của phong trào, đặt nó trong chuỗi các hoạt động của tư sản Việt Nam, với mong muốn có thể làm rõ thêm về vai trò và vị trí của tầng lớp tư sản Việt Nam trong lịch sử cũng như đưa đến những góc nhìn đa chiều về lịch sử cận đại Việt Nam.

* Tiến sĩ, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG - HN.

¹ “Widening the Colonial Encounter: AsianConnections Inside French Indochina During the Interwar Period,” đăng trên Modern Asian Studies, Vol., No. 05, September 2009.

1. Bối cảnh chung

Đầu thế kỷ XX, đặc biệt từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, do tác động của cuộc khai thác thuộc địa của Pháp lần thứ nhất (từ 1897 đến 1914) và nhu cầu phục vụ chiến tranh, tầng lớp tư sản Việt Nam ngày càng trở thành một lực lượng kinh tế quan trọng trong xã hội Việt Nam. Sự phát triển của tư sản Việt Nam thời kỳ này là kết quả của các chính sách kinh tế của Pháp đối với thuộc địa trong điều kiện Pháp là một nước tham chiến và nhờ cuộc vận động của các sĩ phu yêu nước trong phong trào Duy Tân đầu thế kỷ XX. Mặc dù, tầng lớp tư sản Việt Nam đã tham gia kinh doanh trong hầu hết các ngành nghề: từ xây xát, dệt, nhuộm, sửa chữa cơ khí, vận tải thủy, sản xuất sơn, xà phòng, đồ gốm, nước mắm, đường, dầu ăn... kể cả in ấn... và cũng có nhiều nhà tư sản kinh doanh lớn, cạnh tranh với cả tư sản Hoa kiều và tư sản Pháp như Bạch Thái Bưởi², Nguyễn Sơn Hà³, Trương Văn Bền⁴, Lê Phát Vĩnh⁵, Nguyễn Hữu Thu⁶... nhưng cho đến cuối thập niên 1920, tầng lớp tư sản Việt Nam mới chỉ chiếm 1% dân số với khoảng 20.000 người với tổng số vốn chỉ bằng khoảng 5% số vốn của tư bản Pháp (Đình Xuân Lâm, 2012, tr.304)

Để nâng cao địa vị của mình trên thương trường, tư sản Việt Nam bắt đầu có ý thức tập hợp nhau trong những tổ chức có thể giúp đỡ nhau trong kinh doanh như *Nam Kỳ thương mại kỹ nghệ xã hội* thành lập năm 1918... Sự vươn lên của giới doanh nhân trong những năm trong và sau Chiến tranh thế giới I đã vấp phải sự cạnh tranh khốc liệt của các doanh nhân và doanh nghiệp Hoa kiều, một cộng đồng dân cư có một lịch di trú lâu dài và phức tạp ở Việt Nam.

Lịch sử di dân của người Hoa cho thấy, người Hoa đến Việt Nam qua nhiều đợt, có những nhóm đến từ thời Bắc thuộc (từ thế kỷ I đến thế kỷ X), những nhóm này chủ yếu ở khu vực miền Bắc, lâu dần đã trở thành một bộ phận của cộng đồng quốc gia Việt Nam, cũng có nhóm đến Việt Nam trong khoảng vài trăm năm trở lại đây. Cho đến trước khi Việt Nam trở thành thuộc địa của Pháp, người Hoa đã có vai trò quan trọng trong hoạt động thương nghiệp ở Việt Nam, đặc biệt ở Nam Kỳ⁷.

² Bạch Thái Bưởi, kinh doanh ngành vận tải thủy, vào thập niên 1920, ông đã có khoảng 40 tàu và sà lan chạy hầu hết các tuyến đường sông ở Bắc Kỳ, chạy đường ven biển, thậm chí đội tàu thuyền của ông còn vươn tới các nước trong khu vực như Hồng Kông, Trung quốc, Philippin, Singapo,... Công ty của ông có khoảng 1.400 nhân viên, và có đại lý ở nhiều tỉnh thành. Ông là nhà tư sản phải cạnh tranh với tư sản người Hoa gay gắt nhất.

³ Nguyễn Sơn Hà là chủ hãng Sơn Résistanco ở Hải Phòng, hãng sơn của ông đã đánh bại các hãng sơn của Pháp và làm chủ thị trường sơn ở Việt Nam

⁴ Bài “Thực nghiệp Nam Kỳ tại hội chợ” đăng trên *Thực nghiệp dân báo* ngày 9/12/1920 giới thiệu: “Dầu dừa để sản xuất xà phòng của Trương Văn Bền không khác gì dầu Pháp. Trong mười mấy năm từ vốn liếng ban đầu là 3.000 bạc, nay tăng lên 15 vạn bạc. Nhà máy của ông có tới 4 bộ máy ép có công suất 5 tấn/24 giờ, có 2 cối bóc lạc và vừng... với khoảng 100 công nhân”.

⁵ Lê Phát Vĩnh có xưởng dệt ở Cầu Kho (Sài Gòn) chuyên dệt các loại the, lụa, sa tanh; ngoài xưởng dệt có khoảng 100 công nhân làm việc, ông còn có nhà nuôi tằm, ươm tơ phục vụ cho sản xuất...

⁶ Nguyễn Hữu Thu sở hữu hàng chục chiếc tàu và sà lan, có chiếc có trọng tải 615 tấn; còn loại 250 tấn, 140 tấn thì có gần chục chiếc, chủ yếu để chạy các tuyến đường từ Hải Phòng đi Nam Hải, Bắc Hải, Hồng Kông, Nam Định, Hải Dương, Hòn Gai, Bến Thủy, v.v.

⁷ Dù nhiều người đã kết hôn với người Việt và ở Việt Nam lâu đời, nhưng họ vẫn giữ tiếng nói, phong tục tập quán riêng của họ và tạo thành một cộng đồng cư dân riêng, phân biệt với những người Việt bản địa.

Trong bối cảnh khu vực cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, khi Trung Quốc bị xâm xé bởi các cường quốc tư bản lớn như Anh, Pháp, Mỹ,... làn sóng di dân của người Trung Hoa càng mở rộng. Ở Việt Nam, rất nhiều lớp người Hoa đã đến làm ăn trong thời kỳ này.

Toàn Bắc Kỳ năm 1887 có 7.467 người Hoa (Charles Fourniau, 1991, tr.68) và người Hoa ở Bắc Kỳ “phần lớn là thương nhân đến cư trú ở vùng đồng bằng” (Charles Fourniau, 1991, tr.69).

Ở Nam Kỳ, trong các năm từ 1912 đến 1922, có 158.048 người Trung Hoa trên 17 tuổi đến Việt Nam làm việc và sinh sống, trung bình mỗi năm là 14.368 người nhập cảnh qua cảng Sài Gòn trên các chuyến tàu đến từ Thượng Hải và Hương Cảng (Đào Trinh Nhất, 1924, tr.19).

Trong cuốn *Thế lực Khách trú và vấn đề di dân vào Nam Kỳ* xuất bản năm 1924, Đào Trinh Nhất đã mô tả về hoạt động kinh tế của người Hoa ở Nam Kỳ như sau:

“Có vào đến xứ Nam Kỳ mới biết người Tàu ở trong xứ mình là đông, mà cơ sở của họ là lớn. Bước lên thành phố Sài Gòn, đi quanh những phố chợ Mới, chợ Cũ là những phố rộng lớn và rộn rịp bằng mấy Hàng Ngang, Hàng Buồm ở ngoài mình, đã thấy lúc nhúc những các chú, tính phỏng chừng cũng đến ba, bốn vạn người rồi, tuy vậy cũng còn là ít. Đi gần 6 kilomet nữa vào đến Chợ Lớn (Người Tàu gọi là Đề Ngạn) là một thành phố các Chú cả, chưa kể đến nội dung thể nào, nhưng mới trông bề ngoài đủ khiến cho mình phải ghê sợ, xa xa đã trông thấy ống khói nhà máy nọ, nhà máy kia, tua tua lên ngang giời như hàng rào, nào tàu bè, ghe, nóc đậu tri tri ở mặt nước như mắc lưới đã đủ giật mình về cái cảnh tượng ấy rồi, lại vào đến phố, thì phố xá rộng rãi, nhà cửa nguy nga... không nhà nào không buôn bán lớn, thôi thì lo liệu tiệm lớn các chú, vác gạo, kéo xe các chú, chủ hãng, chủ nhà máy các chú, mà cho đến vót đũa đan rổ rá, gánh nước bán quà cũng các chú, nói tóm lại, việc gì làm mà nảy ra to từng hàng vạn, nhỏ đến đồng xu thì cũng mấy chú “thiên triều” làm hết. Thành phố Chợ Lớn đất rộng hơn nghìn mẫu thì các chú ở quá ba phần tư, dân số 13 vạn người thì phần các chú già một nửa (7 vạn người ở trên bộ và 1 vạn người ở dưới nước... Còn như số người các chú rải rác ra làm ăn buôn bán ở lục tỉnh thì cũng đông hết sức...” (Đào Trinh Nhất, 1924, tr.17, 18).

Ngoài ra, Đào Trinh Nhất cũng mô tả kỹ về thế lực tài chính của Hoa kiều ở Nam Kỳ. Những vua tiền bạc, vua nhà cửa như Hoàng Trọng Tân, Tạ Mã Điền... phát lên nhờ bất động sản... và nhờ “thế lực kim tiền” này mà các tư sản người Hoa có thể lũng đoạn nền kinh tế. “Họ vốn sẵn có cái trí xem xét lợi hại rất sáng suốt, cho nên họ thấy có việc lợi cho họ, mà tài tranh không lại, sức tranh không lại thì vận động ngay bằng kim tiền. Việc của cá nhân thì vận động bằng kim tiền cá nhân, việc của đoàn thể thì vận động bằng kim tiền của đoàn thể. Họ biết rằng việc làm có lợi cho mình thì không gì bằng quăng tiền ra mà vận

Đặc biệt ở Nam Kỳ, nhiều nhóm người Hoa đến Việt Nam vào các thế kỷ 17-18, đã có nhiều đóng góp vào công cuộc mở cõi của các chúa Nguyễn cũng như góp phần vào sự phát triển kinh tế ở khu vực này. Do điều kiện Nam Kỳ đất đai rộng, cư dân còn thưa thớt; các chúa Nguyễn và nhà Nguyễn đã có chính sách coi những người Hoa này là những người Minh Hương (gồm cả những người lai bố Hoa, mẹ Việt) thuộc cộng đồng cư dân Việt.

động, vận động hết mấy cũng không tiếc gì vì họ lại biết rằng, mất đi ít mà thu lại nhiều vậy!“ (Đào Trinh Nhất, 1924, tr.32).

Cho đến đầu thế kỷ XX thì người Hoa đã có mặt khá đông đảo ở Việt Nam và chủ yếu tập trung trong các thành phố lớn.

Số người Hoa ở các thành phố lớn của Việt Nam vào năm 1919 (Phạm Quỳnh, 1918, tr.271)

Thánh phố	Dân số (Người)	Người Hoa (Người)
Hà Nội	90.303	3.377 (825 người Minh Hương)
Hải Phòng	50.902	8.991
Sài Gòn	65.000	22.079 (677 người Minh Hương)
Chợ Lớn	191.630	75.000 (4872 người Minh Hương)

Thực trạng kinh tế cũng như hoạt động thương mại của người Hoa trong những năm đầu thế kỷ 20 trở thành mối lo ngại đối với tầng lớp tư sản Việt Nam.

2. Cuộc vận động dư luận trên báo chí

Sự phát triển của tư sản Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đã vấp phải sự cạnh tranh của tư sản Hoa Kiều. Bạch Thái Bưởi là một ví dụ điển hình về cuộc cạnh tranh khốc liệt trên thương trường của tư sản Việt Nam với tư sản Hoa Kiều. Báo *Nam Phong* đã mô tả sự việc này như sau: “Năm 1909, Bạch Thái Bưởi thuê ba cái tàu Phi Phụng (Phenix), Phi Long (Dragon) và Khoái tử Long (Fai-tsi-Long) của A.R. Marty là một chủ hãng tàu chuyên chạy thư tín cho chính phủ Pháp khi hết hạn hợp đồng với chính phủ Pháp) để chạy tuyến Nam Định - Hà Nội; Nam Định - Bến Thủy là hai tuyến đường quan trọng mà Khách vẫn độc quyền từ trước đến lúc đó.

Một cuộc cạnh tranh khốc liệt đã diễn ra. “Ông hạ giá một, thời họ hạ giá hai, ông hạ giá hai thời họ hạ giá ba, ông mời khách uống nước, thời họ mời khách ăn bánh ngọt, tranh nhau từng bước mà cố gắng phần hơn, thậm chí giá hành khách từ Nam Định đi Hà Nội trước là 0,30\$, 0,40\$ mà rút tới 5 xu, 3 xu; cước đồ hàng thời 1 tấn gạo lấy chỉ bằng giá 1 bì gạo trước”. Cuối cùng để tránh vỡ nợ, Bạch Thái Bưởi đã dùng đến cách vận động nhân tâm, đứng ra “diễn thuyết trên bến, trong tàu kể đường hơn lẽ thiệt trong việc buôn bán cho hành khách nghe, khuyên người mình nên giúp đỡ lẫn nhau thời mới có thể cạnh tranh với người Khách được. Những lời khuyến khích ấy xem ra nhiều người cảm, khách đi tàu ông mỗi ngày nhiều hơn..., dần dần hành khách bỏ các tàu Khách mà đi tàu ông” (Thượng Chi, 1919 B, tr.383)

Lo ngại trước các thế lực kinh tế của người Hoa, tư sản Việt Nam bắt đầu lên tiếng. Báo chí bắt đầu đăng nhiều bài cảnh tỉnh về mối đe dọa của người Hoa trong các hoạt động kinh tế của người Việt... Trong ngôn ngữ hàng ngày, cũng như trên báo chí, người Hoa được gọi bằng những từ như *Chệc*, *người Khách*, *Khách trú*,... với ý thiếu thiện cảm.

Trong chuyến du hành Nam Kỳ vào tháng 8 năm 1918, Phạm Quỳnh cũng đã lên tiếng lưu ý về tình hình của người Hoa trong nền kinh tế Việt Nam. “*Tỉnh Sa Đéc ở chạy dài hai*

bên bờ sông coi phồn thịnh đông đúc lắm. Nhưng phố xá buôn bán cũng chỉ thuần là người Khách (Hoa kiều), không có một người An Nam nào. Và không ở một Sa Đéc, tỉnh nào cũng vậy, nơi chợ phố toàn thị là Khách với Chà, lại không những ở các tỉnh thành, đến chốn nhà quê, có ý nhận, phàm nơi nào coi ra hơi có người ở đông đúc, tất có một vài tiệm Chệc (Hoa kiều) bán đồ ăn và đồ tạp hóa...”.

Nhìn vào những hoạt động buôn bán của Hoa kiều trong suốt chuyến đi từ Hà Nội tới Hải Phòng và khắp các tỉnh ở Nam Kỳ, Phạm Quỳnh đã phải thốt lên: *“Làm đôi guốc gõ người mình cũng không làm được, thì trách sao không phải chịu cái quyền áp chế trong sự buôn bán của nó? Tôi thường trông thấy Khách gánh nước, Khách bán củi, còn nghề gì nữa là nó không tranh hết của mình?”* (Phạm Quỳnh, 1919, tr.135). Để bảo vệ quyền lợi cho giới điền chủ chống lại thế lực của Hoa kiều, từ năm 1912 các nhà điền chủ lớn ở tỉnh Mỹ Tho đã họp nhau lập một hội gọi là “Nông nghiệp tương tế hội” nhằm xây nhà máy xay xát gạo, tự định giá gạo và bán thẳng ra ngoài, không qua môi giới Hoa Kiều nữa. Đồng thời họ cũng kêu gọi góp cổ phần để lập “Nông nghiệp ngân hàng” cho các điền chủ vay vốn, gửi thóc để tránh bị ép giá mua rẻ cũng như phải đi vay nợ lãi của các hiệu cầm đồ và cho vay nặng lãi của người Hoa. Tuy nhiên, mặc dù việc cổ động, tuyên truyền được chú ý như cho in thành sách bài diễn thuyết của ông Trần Nguyên Lượng, phó chủ tịch *Hội Nông nghiệp tương tế* ở Mỹ Tho kêu gọi lập các *Hội Nông nghiệp tương tế* để phổ biến... kế hoạch này cũng không thành hiện thực vì chưa được chuẩn bị đầy đủ... Phạm Quỳnh cũng cho biết: *“Hiện nay trong Lục tỉnh mới nhóm lên cái phong trào phản đối Khách. Cái phong trào ấy rất là chánh đáng lắm. Nhưng phần nhiều là phản đối ở lời nói cả, chưa từng thấy thi thố ra việc làm. Không kể có lắm lúc phản đối sai lầm, cái nên phản đối thì không phản đối, mà phản đối cái không cần phản đối. Có kẻ tạ sự ghét người Tàu mà chỉ ghét riêng một thứ chữ Tàu là cái văn tự cổ không có quan hệ gì đến việc cạnh tranh về đường buôn bán cả. Thiết tưởng cái cách phản đối ấy chưa đủ cướp lại được lợi quyền ở tay bọn Chệt vậy”* (Phạm Quỳnh, 1919, tr.139)...

Từ năm 1918, trên các trang báo tiếng Việt bắt đầu xuất hiện những bài phân tích về “thế lực của người Trung Hoa” trong nền kinh tế Đông Dương và bên cạnh việc kêu gọi người Việt Nam đẩy mạnh các hoạt động công thương nghiệp, các bài viết bắt đầu chỉ trích người Hoa là những người “sang ăn gửi nằm nhờ” nhưng đã chiếm hầu hết những mối lợi về kinh tế của người Việt. Việc phát triển kinh tế công thương nghiệp phải được coi là “sinh tử vấn đề” (Thượng Chi, 1919 A, tr.228) đối với tương lai của dân tộc. Sự cố gắng vươn lên của tư sản Việt Nam trong điều kiện Việt Nam là một nước thuộc địa thì mục tiêu đầu tiên của họ là tranh lại mối lợi trong thương trường từ tay tư sản Hoa kiều.

3. Sự bùng nổ phong trào “Tẩy chay Hoa kiều”⁸

Đầu tháng 8 năm 1919, một sự kiện đã làm bùng nổ phong trào phản đối Hoa kiều mà báo chí thời đó mô tả là phong trào “Đề chế đồ hàng Khách” hay “Tẩy chay Khách trú”. Đó

⁸ “Tẩy chay” là tiếng Khách Quảng Đông đọc hai từ Đề chế. Đề chế nghĩa là kháng cự, ngăn cản, kháng cự ngăn cản kẻ nghịch, kẻ thù mình, nghĩa là tuyệt giao với người mình không ưa, nhất là đường giao dịch buôn bán. Đó là nghĩa chung, thời cái nghĩa riêng là mình đồng lòng nhau không mua đồ hàng của người mình ghét”, (Thượng Chi, 1919 A, tr.227)

là khi các tiệm cà phê của Hoa kiều ở đường Hamelin⁹ đồng loạt tự ý tăng giá một ly cà phê từ 2 xu lên 4 xu (Thượng Chi, 1919 A, tr 281) đã gây bất bình cho những viên chức các công sở của chính quyền thực dân cũng như của tư nhân vẫn thường uống cà phê và ăn điểm tâm ở đây.¹⁰ Vì đây là khu vực có các công sở của Pháp (như Ngân hàng Đông Dương, Nha Thuế vụ, Sở Công chính Sài Gòn, ty Thiết lộ,...), có trường Bá nghệ Sài Gòn¹¹... nên trên những con đường này có rất nhiều cửa hàng, tiệm cà phê và điểm tâm của Hoa kiều và viên chức của các cơ quan của chính quyền thuộc địa cũng như các nhân viên làm việc cho các cửa hàng, học sinh trường Bá Nghệ... thường đến uống cà phê, ăn điểm tâm buổi sáng. Việc các cửa hàng cà phê và điểm tâm của người Hoa đồng loạt tăng giá cà phê đột ngột không có lý do và thái độ khinh người của họ khiến những người Việt này bất bình¹².

Tin tức về sự kiện các tiệm cà phê của người Hoa đồng loạt tăng giá được đăng trên báo *Lục tỉnh tân văn* và báo *Công luận* ngày 5/8/1919 và cho đó là một hành động coi thường người Việt. Bài báo bình luận rằng sở dĩ họ dám làm điều ấy vì họ dựa vào sự cố kết cộng đồng chặt chẽ trong các nhóm người Hoa¹³, cũng như sức mạnh mà họ có được nhờ sự độc quyền trong kinh doanh của họ.

Ngày 11 tháng 8 năm 1919, một nhà báo đã phân tích sự kiện tăng giá cà phê đột ngột như hành động coi thường người Việt của Hoa kiều trong bài “Khách trú khi ta” trên trang nhất báo *Lục tỉnh tân văn* và kêu gọi: “cần nhất giờ đây hãy tẩy chay cà phê của Chêc như mấy thầy làm việc ty Thiết lộ đã làm ...”, đồng thời bài báo cũng cho biết: “Từ hôm 1^{er} Aoute (ngày 1 tháng 8) đến nay chẳng có một người đến tiệm cà phê của Chêc”.

Đỉnh điểm là ngày 13 tháng 8 năm 1919, báo *Lục tỉnh tân văn* nhắc lại việc người Hoa đã khinh thường người Việt, xúc phạm đến lòng tự tôn dân tộc của người Việt¹⁴ và đăng trên trang nhất lời hiệu triệu: “Khách trú thị nhục ta, đồng bang mau thức dậy” và kêu gọi từ “quan hàm chức sắc”, “chức việc, công nghệ thương gia”, “lính tập, ma tà, nào là mạch lô, lính thủy,” “nào là thầy, nào là thợ, Ba Son, Sở mộ, trại xưởng các nơi, nào là Vạn xe, xe

⁹ Đây là con đường nối liền bùng binh Sài Gòn (nay là Quảng trường Quách Thị Trang), khu chợ Mới (chợ Bến Thành) với khu chợ cũ (Chợ Vải) nơi giao nhau giữa đường Hamelin với kinh Chợ Vải mà sau này được lấp đi để trở thành đại lộ Sambre (nay là đại lộ Lê Lợi), đại lộ được coi là lớn nhất và sầm uất nhất Sài Gòn. Năm 1917, đường này tách ra một đoạn và được đặt tên là đường Đỗ Hữu Vị, nay là đường Huỳnh Thúc Kháng).

¹⁰ Con đường Hamelin nằm trong khu vực được quy hoạch là trung tâm Sài Gòn, chạy dọc từ quảng trường lớn khu chợ Mới (chợ Bến Thành) bắt đầu từ ngã ba đường Boulevard Bonard (nay là đường Lê Lợi) tới Boulevard Charner (nay là đường Nguyễn Huệ), hai đại lộ sầm uất nhất ở trung tâm Sài Gòn. Con đường này cắt ngang qua các đường Mac Mahon (nay là đường Nam Kỳ khởi nghĩa), Adran (nay là đường Hồ Tùng Mậu), Chaigneau (nay là đường Tôn Thất Đạm), Pellerin (nay là đường Pasteur).

¹¹ Nay là trường Kỹ thuật Cao Thắng

¹² Bài *Khách trú khi ta* trong báo *Lục tỉnh Tân văn* số 658 ngày 11/8/1919 cho biết, từ ngày 1/8, các nhân viên sở Lục lộ ở Sài Gòn đã đồng nhau kêu gọi tẩy chay các cửa hàng cà phê của Hoa kiều “cần nhất giờ đây hãy tẩy chay cà phê của Chêc như mấy thầy làm việc ty Thiết lộ đã làm rồi đó. Từ hôm 1^{er} Aoute đến nay chẳng có một người đến tiệm cà phê của Chêc”

¹³ Báo chí gọi sự cố kết cộng đồng trong những người Hoa ở Việt Nam là “Tinh đoàn thể”

¹⁴ Bài báo của tác giả đã trích dẫn những câu được cho là miệt thị, coi thường người Việt và cuộc tẩy chay hàng hóa người Hoa của người Việt: “An Nam tẩy chay shi noa, gây thương chiến với shi noa chả khác nào đoàn trẻ con, hiệp chơi với nhau, chia làm 2 phe mà đánh giặc với nhau vậy”

mui, xe kéo, xe kiến, xe hơi”.... “hễ nhìn biết là giống dòng mình là An Nam” thì “Hãy thức dậy mau!”, “mau khá tẩy chay (tẩy chay) Khách trú! Tẩy chay (tẩy chay) nó đi...”.

Tin tức về phong trào tẩy chay cũng liên tục được cập nhật trên báo chí. Ngày 14/8/1919 báo *Công Luận* cho biết “đầu tiên là mấy tiệm ở đường Hamelin tẩy chay, sau đó mấy tiệm ở đường Pellerin¹⁵ cũng tẩy chay”.

Cuộc vận động tẩy chay không chỉ dừng lại ở việc tẩy chay các quán cà phê của người Hoa, mà ngay sau đó, họ kêu gọi “hễ món nào người An Nam có bán, người An Nam có làm thì Hãy tẩy chay Khách trú đi đồng bang...” (Lục tỉnh tân văn, 13/8/1919, tr.1). Bên cạnh việc kêu gọi tẩy chay hàng quán của người Hoa, họ còn kêu gọi người Việt hãy đồng lòng chống lại sự độc quyền trong kinh doanh của người Hoa bằng cách vận động người Việt đứng ra kinh doanh để cạnh tranh với người Hoa.

Ngày 18/8/1919, báo *Lục tỉnh tân văn* đưa tin ở Thủ Dầu Một, quan phủ Tân Hàm Ninh và bạn bè ủng hộ phong trào Tẩy chay bằng cách cùng nhau lập một nhà hàng bán đủ các đồ đáp ứng nhu cầu của người dân để họ không cần mua của Hoa kiều nữa.

Phong trào tẩy chay Hoa kiều lan nhanh, doanh nhân Hoa kiều cũng lập tức phản ứng, họ cũng dùng báo chí để chống lại phong trào. Tờ *Huê kiều nhật báo* đăng những lời lẽ coi thường, thách thức người Việt¹⁶, viết thư chửi bới, hạ nhục người Việt trên báo chí với những lời lẽ mà báo *Lục tỉnh tân văn* phải thốt lên “Lời lẽ trong thơ thô tục lắm” không đáng đăng lại trên báo chí (*Lục tỉnh tân văn*, 20/8/1919, tr.1)

Ngày 22/8/1919, trên *Thời Báo*, Nguyễn Dạ Thanh đưa ra một lộ trình cho việc cạnh tranh với người Hoa trong thương mại. Đó là thực hiện từ từ, từ thấp đến cao, phải dựa vào luật pháp không quá khích ...và trên hết “phải đồng một lòng”.

Tư sản Hoa kiều đối phó với cuộc tẩy chay không chỉ bằng cách dọa dẫm những người Việt đang làm công cho họ, tăng giá thuê nhà ở các phố lớn để người Việt không thể thuê được nhà của họ mà sinh sống và kinh doanh, mà còn thẳng tay đuổi nhiều người Việt đang làm công trong các nhà máy xay gạo của người Hoa... Họ đến biểu tình trước trụ sở tờ báo *Tribune Indigène* và đỉnh điểm là ngày 25 tháng 8 có 7 người Hoa đã “vác gạch lượm vô quán *Thời Báo*” (*Công Luận báo*, 9/9/1919, tr.2)...

Vì vậy, ngày 26/8/1919, 40 người gồm các nhà báo, đại thương gia, và trí thức đã họp nhau tại trụ sở của hội Khuyến học Sài Gòn tại đường Aviateur Garros¹⁷ do Nguyễn Phú Khai, Tổng lý báo *La Tribune Indigène* làm chủ tọa nhằm bàn cách đối phó với phản ứng của doanh nhân Hoa kiều trước cuộc tẩy chay Hoa kiều của người Việt. Cuộc họp đã bầu ra

¹⁵ Đường Pellerin xưa nay là đường Pasteur, nằm cắt ngang đường Hamelin, (nay là đường Huỳnh Thúc Kháng)

¹⁶ Theo Thượng Chi trong *Bản về việc tham thương với người Khách Bắc Kỳ nên lập một thương hội lớn trên Nam Phong* số 27, tháng 9 năm 1919, tr. 282 thì: “Việc đề chế khách sớ dĩ khởi lên mau lẹ vậy bởi một cái thơ tên Khách ký là Lý Thiên, gửi cho các nhà báo ta, nói xỉ mạ người An Nam nhiều lắm, thơ đó chẳng hay thực hư thế nào mà cũng vì đó nên dân ta mới công phần như vậy”...

¹⁷ Nay là đường Thủ Khoa Huân

11 người tham gia ban “Tạm thời phái viên” do Nguyễn Phú Khai làm hội trưởng và Nguyễn Chánh Sắt, Trần Quang Nghiêm làm Hội phó để soạn thảo điều lệ Hội cũng như dự thảo chương trình của Hội. và đề xuất lập hội *An Nam thương cuộc công ty* nhằm “cổ động, khuyến khích đồng bang ta” tẩy chay Hoa kiều đồng thời cũng cần “lập tiệm cho nhiều, bán cho đủ đồ cho đồng bang ta dùng” (*Công Luận báo*, 9/9/1919, tr2).

Đến ngày 30/8/1919, gần 200 điền chủ, doanh nhân và giới báo chí họp nhau để chính thức thành lập *An Nam thương cuộc công ty* và cũng là để cùng bàn bạc nhằm đề ra một chương trình đấu tranh chống lại thế lực của người Trung Hoa về mặt kinh tế, giành lại các quyền lợi của người Việt. Trong cuộc họp này, Nguyễn Chánh Sắt, chủ bút báo *Nông Cổ Mìn Đàm*, phó chủ tịch Hội, sau khi bày tỏ quan điểm “hết sức vui mừng mà được thấy người An Nam ta ngày nay biết trọng “tình đoàn thể, thương nghĩa đồng bào”, đồng lòng tẩy chay các tiệm của người Hoa và đã kêu gọi doanh nhân Việt hãy làm mấy việc sau:

- Trước hết là cùng nhau tẩy chay mấy quán cà phê của người Hoa.
- Theo gương những người như ông Nguyễn Văn Hội, mở nhiều quán cà phê để cạnh tranh với Hoa kiều, “trước là để tẩy hận cho đồng bào, sau là giục lại chút đỉnh quyền lợi cho quê hương”.
- Mỗi tỉnh lo lập một nhà máy xay xát gạo để thu mua thóc gạo, trực tiếp bán cho các đại lý của Pháp, không để mỗi lợi này cho Hoa kiều nữa.
- Lập *An Nam thương cuộc công ty* làm đại diện mua bán trực tiếp với các đại lý của người Pháp, “không cần qua trung gian Hoa kiều nữa và lập ngân hàng để có vốn cạnh tranh...”¹⁸.

Bài diễn văn của Nguyễn Chánh Sắt được các báo như *Nông Cổ Mìn Đàm*, *Công luận báo*, *Thời báo*, *Nam Phong*... đăng tải như một cách tuyên truyền, vận động cho cuộc Tẩy chay Hoa kiều.

Cuộc vận động tẩy chay Hoa kiều đã nhanh chóng lan nhanh từ Nam ra Bắc và được hưởng ứng mạnh mẽ. Báo *Nam Phong* cho biết: “Ở Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định cũng thi nhau cổ động “Tẩy chay” (“Đề chế”). Nhất là ở Hà Nội, trong mấy ngày những phố Hàng Buồm, Hàng Ngang là nơi Khách buôn bán ở nhiều, người ta đi lại như nước chảy, ai nấy khuyên nhau không mua đồ hàng Khách, đừng nên ăn ở các cửa hàng cao lâu Khách, hiệu Khách trong mấy ngày phải đóng cửa buổi tối; Thành phố bày ra trong một cảnh tượng rất mới lạ...” (*Nam Phong*, 9/1919, tr.281-282). Cuộc đấu tranh có lúc quá khích đã dẫn đến sự xung đột của học sinh với cảnh sát (*Nam Phong* 9/1919, tr.281-282).

Đến ngày 15/9/1919 Chánh tham biện chủ tỉnh thành phố Chợ Lớn đã đăng yết thị “ngăn cấm những việc hung bạo và các sự húng hiếp, ép buộc làm cho người người mất sự tự do trong việc làm ăn của mình” (*Lục tỉnh tân văn*, 22/9/1919, tr.2)

¹⁸ “Lời diễn thuyết của ông Nguyễn Chánh Sắt đọc ở kỳ Hội đồng Hội *An Nam thương cuộc công ty* ngày 30/8/1919”- *Nam Phong tạp chí* số 27 tháng 9/1919 (đăng lại bài của *Nông cổ mìn đàm*, tháng 9/1919), tr.284

Sau khi bị cấm, phong trào không còn rầm rộ như trước mà đi vào chiều sâu; quan trọng hơn, các doanh nhân và trí thức Việt Nam nhận thức được rằng, muốn cạnh tranh với người Hoa và nắm các ngành kinh tế, người Việt trước hết phải biết đoàn kết và phát triển công thương nghiệp.

Về nguyên nhân của cuộc Tẩy chay Khách trú này, Phạm Quỳnh cho rằng việc bùng nổ phong trào “Đề chế đồ hàng Khách” này là kết quả của tình trạng bất bình với sự độc quyền của người Hoa trong hoạt động buôn bán, kinh doanh ở Việt Nam. Việc tiệm cà phê ở đường Hamelin chỉ là cái cớ cho sự bất bình của người Việt đối với người Hoa bùng phát, nó giống như: “Rơm đã khô chỉ đợi có hơi lửa là bốc, dầu không cháy nay rồi cũng cháy mai, dầu không có vị chén cà phê thời cũng vì đôi guốc gỗ hay bát cháo mì...”. Và cái nguyên nhân sâu xa của phong trào này “là ở cái thế lực to tát quá chừng của người Tàu đã chiếm được trong trường kinh tế nước ta” (Thượng Chi, 1919 A, tr.227-228).

Báo cáo cuối năm của Toàn quyền Đông Dương năm 1919 đã nhận định: “Phong trào tẩy chay ở Sài Gòn tuy quá trớn, nó cũng có ý nghĩa rằng tư tưởng đã đổi mới; mới đây ít năm thì người Nam Kỳ chẳng những không thích mà lại còn sợ cái việc buôn bán: Bây giờ họ thấy thương mại là quan trọng cho họ và họ cần phải cố gắng trên cái hướng này” (dẫn theo Trần Văn Giàu, 1961, tr.167).

Sau yết thị của chính quyền thực dân Pháp về việc cấm tụ tập đông người và hành động quá khích khi vận động tẩy chay Hoa kiều, cuộc cạnh tranh trên thương trường chuyển sang giai đoạn mới. Qua báo chí, giới tư sản và trí thức Việt Nam đi vào tổng kết, đánh giá cuộc vận động tẩy chay này và có một kế hoạch bài bản hơn trong cuộc giành các nguồn lợi kinh tế cho tư sản Việt Nam.

4. Vĩ thanh

Sự thay đổi về nhận thức

Cuộc tẩy chay Hoa Kiều đã khiến các nhà tư sản Việt Nam nhận thức rõ hơn về sức mạnh của sự đoàn kết, hỗ trợ nhau trong buôn bán. Phong trào tẩy chay Hoa kiều cũng cho thấy có hàng loạt vấn đề mà các nhà tư sản Việt Nam phải quan tâm. Đó là muốn “Đề chế hàng Tàu” thì người Việt phải đẩy mạnh phát triển công thương nghiệp để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân và việc này cũng phải được tiến hành song song với việc kêu gọi tinh thần dân tộc trong việc dùng hàng nội hóa. Cũng từ cuộc vận động Tẩy chay này, trên báo chí đã xuất hiện những từ “Tinh đoàn thể”, “tinh đồng bang” để nhắc nhở đến vai trò của tinh đoàn kết và tinh thần dân tộc trong cuộc đấu tranh chung vì sự thịnh vượng của đất nước.

Họ cũng nhận thức rõ vai trò của báo chí trong việc khuếch trương doanh nghiệp của mình và cổ vũ phát triển công thương nghiệp, coi báo chí là một phương tiện để tranh đấu, cất lên tiếng nói bảo vệ quyền lợi của mình trong xã hội.

Sự thay đổi trong phương thức hành động

Sau cuộc tẩy chay Hoa kiều, liên tiếp trong các năm 1920, 1921, 1922... một số tổ chức và các tờ báo của các nhà tư sản Việt Nam ra đời.

Ngày 17/10/1920, Hội *Bắc Kỳ công thương đồng nghiệp*, được thành lập theo quyết định ngày 31/7/1920 của Thống sứ Bắc Kỳ, đã trở thành nơi tập hợp các doanh nhân nhằm đoàn kết hỗ trợ nhau trong việc phát triển công thương nghiệp và bảo vệ quyền lợi cho tư sản Việt Nam ở Bắc Kỳ do Nguyễn Huy Hợi làm Hội trưởng (*Thực nghiệp dân báo*, 7/8/1920, tr.1). Tôn chỉ của hội là: “Lấy hữu ái làm chủ nghĩa, anh em trong bạn công thương cùng hợp nhau lại làm thành một đoàn thể, cùng vì quyền lợi chúng tôi ở buổi đời cạnh tranh này mà phải tương hợp với nhau để cùng nương tựa” (*Hữu Thanh tạp chí*, 15/1/1922, tr.91)

Sau khi thành lập, Hội đã có khoảng 100 hội viên và số hội viên không ngừng tăng lên nhanh chóng. Chỉ một năm sau ngày thành lập, số hội viên là hơn 1.000 người và đến năm 1922 số hội viên đã tăng gấp đôi, khoảng hơn 2.000 người. Trụ sở của Hội là số nhà 58 phố Hàng Bông (sau là 18 phố Mã Vĩ và 59 phố Hàng Gai), Hà Nội. Hội *Bắc Kỳ công thương đồng nghiệp* đã giành được nhiều sự quan tâm của tầng lớp doanh nhân Việt Nam và sự ủng hộ nhất định của chính quyền thuộc địa.

Tháng 7 năm 1920, Nguyễn Hữu Thu, một nhà tư sản lớn ở Bắc Kỳ, hoạt động trong lĩnh vực vận tải thủy¹⁹, cùng với Bùi Huy Tín đã cho xuất bản tờ *Thực nghiệp dân báo*, ra số đầu tiên vào ngày 8/7/1920.

Tháng 7 năm 1921, Bạch Thái Bưởi cũng cho phát hành tờ *Khai hóa Nhật báo*, ra số đầu tiên ngày 15/7/1921.

Ngày 1 tháng 8 năm 1921, sau 8 tháng xin cấp phép, *Hữu Thanh tạp chí* phát hành số đầu tiên với tư cách là cơ quan ngôn luận của Hội *Bắc Kỳ công thương đồng nghiệp*²⁰.

Như vậy, chỉ trong vòng 3 năm sau phong trào Tẩy chay Hoa Kiều, tư sản Việt Nam đã liên tiếp cho ra ba tờ báo với nội dung chủ yếu là:

- Cổ động cho tinh thần đoàn kết, tương trợ lẫn nhau trong kinh doanh và chỉ ra nguyên nhân dẫn đến sự yếu kém của nền kinh tế, đồng thời cũng rút ra những bài học trong quá trình đấu tranh, đưa ra các giải pháp khắc phục;
- Nhìn nhận, đánh giá lại kết quả và tác động của phong trào Tẩy chay Hoa kiều đối với nền kinh tế Việt Nam;
- Khuếch trương và quảng cáo cho các doanh nghiệp và các sản phẩm của người Việt

Trong số 7 ngày 31/7/1920, *Thực nghiệp dân báo* đã cho thấy một thực tế: Ngay cả trong lúc phong trào Tẩy chay Hoa kiều đang diễn ra sôi nổi thì “chẳng những người mình vẫn uống chè Tàu, vẫn mua hàng Tàu mà mọi cuộc buôn bán lớn vẫn ở dưới quyền người

¹⁹ Nguyễn Hữu Thu sở hữu hàng chục chiếc tàu và sà lan, có chiếc có trọng tải 615 tấn; còn loại 250 tấn, 140 tấn thì có gần chục chiếc chủ yếu để chạy các tuyến đường từ Hải Phòng đi Nam Hải, Bắc Hải, Hồng Kông, Nam Định, Hải Dương, Hòn Gai, Bến Thủy, v.v.

²⁰ Ngày 5/1/1921 Hội trưởng Nguyễn Huy Hợi đã làm đơn xin Thống sứ Bắc Kỳ cho phép ra một tạp chí của hội. Lúc đầu, dự kiến tạp chí có tên là “Doanh nghiệp tùng đàm”, sau khi thảo luận, tất cả tất cả hội nhất trí tên tạp chí sẽ là *Hữu Thanh*.

Tàu cả, thậm chí vẫn người Tàu định giá gạo hàng ngày cho ta ở chợ Hàng Gạo, vẫn người Tàu buôn sơn của ta để bán ra ngoài, vẫn người Tàu tải bông của ta cho Nhật Bản dùng bông đó kéo sợi, rồi lại nhờ người Tàu tải sợi về đây mà bán cho ta, vẫn người Tàu định giá cau, giá bắp, giá nẫu cùng biết bao các thứ sản vật khác hiện nay ta vẫn bán sang Hương Cảng. Nói tóm lại thì các thứ hàng của ta xuất cảng đều vẫn về tay người Tàu”, “hàng hóa mà ta nhập cảng của người ngoại quốc tất cũng về tay người Tàu cả” (*Thực nghiệp dân báo*, 31/7/1920, tr.1).

Một vấn đề nhức nhối của giới doanh nhân Việt Nam là làm sao người Việt phải là lực lượng chính trong các hoạt động kinh tế ở Việt Nam... *Thực nghiệp dân báo* cũng đặt ra câu hỏi: “Bao giờ An Nam ta mới thoát nỗi đem vàng đi đổ sông Ngô?” (*Thực nghiệp dân báo*, 31/7/1920, tr.1). Tuy nhiên, điều mà các nhà báo phải thừa nhận là phong trào Tẩy chay Hoa Kiều “về phương diện quốc dân, ít ra cũng được một điều là nhắc đồng bào lấy tấm lòng yêu chuộng nội hóa. Mấy hiệu cao lâu vì cuộc tẩy chay mà thành, đồ sứ Thanh Tri đã nhiều nhà dùng, chèn bát ướp hương sen đã nhiều nhà uống. Sau cuộc Tẩy chay, những nhà có lương tâm, dùng đồ ngoại hóa nghe mình vẫn thấy có chút thẹn thùng. Những cái đó muốn không cho là cái kết quả hay của cuộc Tẩy chay tưởng cũng không được”... “Cuộc Tẩy chay còn được một điểm nữa là nhiệt thành đối với đồng bang” (Mai Đăng Đệ, 1921, tr.1)

Đánh giá lại tiềm lực kinh tế của người Hoa để rút ra những bài học cũng là vấn đề mà các nhà tư sản Việt Nam quan tâm. Báo chí có nhiều bài phân tích “Thế lực người Trung Hoa ở Nam Kỳ và Bắc Kỳ khác nhau thế nào? (*Thực nghiệp dân báo* từ ngày 4/12 đến 28/12 năm 1920); “Thế lực người Trung Hoa ở Nam Kỳ” (*Thực nghiệp dân báo*, 11/7/1922, tr.1) ... và từ đó nhìn nhận lại những ưu điểm của người Hoa trong kinh doanh “như là kiên nhẫn, mạo hiểm, lưu lạc... và nhờ có những đức tính ấy dù có sự khó khăn đến đâu trong thương trường họ cũng có thể bảo thủ được quyền lợi của họ chu toàn...”; cũng như nhìn thẳng vào sự thật để tìm ra nguyên nhân thất bại của người Việt trong buôn bán như chưa hiểu tình hình của nhà công nghệ ngoài Bắc, chưa có mối quan hệ chặt chẽ cũng như thiếu kinh nghiệm và sự khôn ngoan trong buôn bán... (*Thực nghiệp dân báo*, 24/7/1922, tr.1)

KẾT LUẬN

Phong trào Tẩy chay Hoa Kiều năm 1919 là sự phản ứng của giới tư sản Việt Nam trong xu thế đang lên sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất đối với tư sản Hoa kiều và những hoạt động buôn bán của người Hoa ở Việt Nam. Cuộc đấu tranh này đã được sự ủng hộ của tầng lớp thượng lưu và báo giới Việt Nam. Chính báo chí cả tiếng Pháp và tiếng Việt đã chuẩn bị dư luận và khơi mào cho cuộc vận động tẩy chay Hoa kiều này. Trong suốt quá trình diễn ra phong trào, báo chí luôn đồng hành, cổ vũ cho phong trào, đưa ra lời kêu gọi, khích lệ cũng như dẫn dắt phong trào. Có thể nói phong trào Tẩy chay Hoa Kiều là sự mở đầu cho những hoạt động có tính gắn kết các doanh nghiệp Việt Nam trong một mục tiêu chung là phát triển công thương nghiệp ở Việt Nam.

Điều đáng lưu ý là chỉ trong vài ba năm sau cuộc Tây chay Hoa Kiều, giới doanh nghiệp Việt Nam đã có một tổ chức nhằm bảo vệ quyền lợi cho giới mình và 3 tờ báo tiếng Việt chuyên cổ động phát triển công thương nghiệp, thay đổi nhận thức của xã hội về vai trò và vị trí của nghề buôn, của công thương nghiệp trong nền kinh tế quốc gia và sự phát triển của xã hội, đồng thời giới thiệu các tri thức về phát triển công thương nghiệp và kinh doanh cũng như giới thiệu sản phẩm của mình...

Các nhà tư sản Việt Nam, thông qua báo chí và tổ chức Hội của mình cũng đấu tranh đòi được bảo vệ quyền lợi trong giao thương khi yêu cầu chính quyền thuộc địa lập ra một “bộ thương vụ để chủ trương về đường thương giới và bảo trợ cho thương dân”, chỉ nhập khẩu những mặt hàng trong nước không sản xuất được. Họ cũng yêu cầu được nghỉ ngày chủ nhật và ngày lễ, được có quyền bầu cử và được thi hành luật lao động cho giới công thương, lên tiếng ủng hộ cho người Việt được có đại diện trong các phòng thương mại và từ đó có cơ hội lên tiếng bảo vệ quyền lợi cho giai cấp tư sản Việt Nam. Đây chính là cách mà giới tư sản Việt Nam khẳng định vị trí của mình trong nền kinh tế và trong xã hội Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN

1. Bao giờ An Nam ta mới thoát nổi đem vàng đi đổ sông Ngô. *Thực nghiệp dân báo*, số 7 ngày 31/7/1920.
2. Nguyễn Công Bình. (1959). *Tìm hiểu về Giai cấp tư sản Việt Nam thời Pháp thuộc*. Hà Nội: Văn Sử Địa.
3. Cái nhược điểm ở thực nghiệp nước ta, *Thực nghiệp dân báo* ngày 10/11/1925.
4. Thượng Chi. (1919 A). Bàn về việc tranh thương với người Khách - Bắc Kỳ nên lập một Thương Hội lớn. *Nam Phong tạp chí*, tập 27, tháng 9 năm 1919.
5. Thượng Chi (1919 B). Chấn chỉnh thương trường - Một cái gương cho báo giới nước ta - Ông Bạch Thái Bưởi. *Nam Phong tạp chí* tập 29 tháng 11 năm 1919.
6. Charles Fourniau. (1991). Người Hoa ở Bắc Kỳ trước Chiến tranh thế giới lần thứ nhất. *TC Nghiên cứu lịch sử*, số 2.
7. Christopher E. Goscha. (2009). Widening the Colonial Encounter: AsianConnections Inside French Indochina During the Interwar Period. *Modern Asian Studies*, Vol., No. 05, September
8. Chương trình của bản báo, *Thực nghiệp dân báo*, số 1 ngày 8/7/1920.
9. *Công Luận* ngày 5 tháng 8 năm 1919.
10. *Công Luận* ngày 12 tháng 8 năm 1919.
11. *Công Luận* ngày 14 tháng 8 năm 1919.
12. Công việc hội Bắc Kỳ công thương đồng nghiệp. *Hữu Thanh tạp chí* số 12 ngày 15/1/1922.
13. Mai Đăng Đệ (1921). *Công kích nhau hoài*. *Thực nghiệp dân báo*, ngày 6 tháng 4.

14. Trần Văn Giàu. (1961). *Giai cấp công nhân Việt Nam, sự hình thành và sự phát triển của nó từ giai cấp cho mình đến giai cấp tự mình*, (tái bản lần thứ ba có sửa chữa). Hà Nội: Sự Thật.
15. Khách trú khi ta. Báo *Lục tỉnh Tân văn* số 658 ngày 11/8/1919.
16. Khách trú thị nhục ta, đồng bang mau thức dậy. Báo *Lục tỉnh tân văn*, ngày 13/8/1919.
17. *Khai hóa nhật báo* số 1 ngày 15/7/1921.
18. Làm thế nào cho sinh kế của dân được thư thái. *Khai Hóa nhật báo* số 961 ngày 3/10/1924.
19. Đinh Xuân Lâm (CB). (2012). *Lịch sử Việt Nam* tập 3. Hà Nội: Giáo dục.
20. Lời diễn thuyết của ông Nguyễn Chánh sất đọc ở kỳ Hội đồng Hội An Nam thương cuộc công ty, ngày 30/8/1919. *Nam Phong tạp chí*, số 27 tháng 9 năm 1919.
21. *Lục tỉnh tân văn* ngày 5 tháng 8 năm 1919.
22. *Lục tỉnh tân văn* số 658 ngày 11/8/1919.
23. *Lục tỉnh tân văn* ngày 13/8/1919.
24. *Lục tỉnh tân văn* ngày 18/8/1919.
25. *Lục tỉnh tân văn* ngày 22/9/1919.
26. *Nam Phong tạp chí* số 17 tháng 11 năm 1918.
27. *Nam Phong tạp chí* số 18, tháng 12 năm 1918.
28. *Nam Phong tạp chí* số 27 tháng 9 năm 1919.
29. *Nam Phong tạp chí* số 30 tháng 12 năm 1919.
30. Đào Trinh Nhất. (1924). *Thế lực khách trú và vấn đề di dân vào Nam Kỳ*. Nhà in Thụy Ký, Hà Nội.
31. Người Nam buôn hàng Bắc đối với Hoa kiều. *Thực nghiệp dân báo* ngày 24/7/1922.
32. *Nông Cổ Mìn Đàm* tháng 9 năm 1919.
33. Nông nghiệp ngân hàng. *Khai hóa Nhật báo*, số 1384 ngày 11/3/1926.
34. Phạm Quỳnh. (1918). Một tháng ở Nam Kỳ. *Nam Phong tạp chí*, số 17 tháng 11.
35. Phạm Quỳnh. (1919). Một tháng ở Nam Kỳ. *Nam Phong tạp chí*, số 20 tháng 2.
36. Thế lực người Trung Hoa ở Trung Kỳ. *Thực nghiệp dân báo*, ngày 3/5/1922.
37. Thế lực người Trung Hoa ở Nam Kỳ và Bắc Kỳ khác nhau thế nào? *Thực nghiệp dân báo*, ngày 4/12/1920.
38. Thơ Chêc gọi Mộng Huê Lầu. *Lục tỉnh tân văn*, ngày 20 tháng 8 năm 1919.
39. *Thời báo* ngày 22 tháng 8 năm 1919.
40. Việc chế đồ hàng Khách. *Nam phong tạp chí* số 27 tháng 9 năm 1919.
41. Việt Nam đoàn thể hội. *Công Luận báo*, ngày 9/9/1919.
42. Phạm Xanh & Nguyễn Thị Dịu Hương. (2008). Hội Bắc Kỳ công thương đồng nghiệp và Hữu Thanh tạp chí với vấn đề bảo vệ quyền lợi của giới tư sản Việt Nam. *TC Nghiên cứu lịch sử*, số 1.
43. Các tờ báo đều được lưu trữ tại Thư viện Quốc gia Việt Nam.